

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TP  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2022/DS-ST**

Ngày 14/01/2022

*V/v tranh chấp hợp đồng*

*tặng cho quyền sử dụng đất*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP - BÌNH THUẬN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàn Kiếm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bá Ky

2. Bà Nguyễn Hoàng Bích Loan

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hán Tấn Tiến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hoa, Kiểm sát viên

Trong ngày 11 và 14 tháng 01 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện TP xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 174/2019/TLST-DS, ngày 19 tháng 6 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2021/QĐXX-DS, ngày 29 tháng 10 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2021/QĐ-HPT, ngày 22 tháng 11 năm 2021 và Thông báo số 01/TB-TA, ngày 22 tháng 12 năm 2021 về thời gian, địa điểm mở phiên tòa, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1930

Địa chỉ: Thôn H Đ 01, xã C C, huyện TP, tỉnh Bình Thuận; có mặt

***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1962

Địa chỉ: Thôn H T 01, xã C C, huyện TP, tỉnh Bình Thuận

***Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:*** Ông Nguyễn Hữu K, sinh năm 1982

Địa chỉ: 274/13 Vườn Lài, phường PTH, quận T P, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1959  
Địa chỉ: Thôn H Đ 01, xã C C, huyện TP, tỉnh Bình Thuận; có mặt
  2. Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1965  
Địa chỉ: Thôn N M, xã P PH, huyện TP, tỉnh Bình Thuận; có mặt
  3. Ông Nguyễn Hữu Tr, sinh năm 1967  
Địa chỉ: Thôn TL, xã C C, huyện TP, tỉnh Bình Thuận; có mặt
  4. Ông Nguyễn Hữu H1, sinh năm 1972  
Địa chỉ: Thôn TL, xã C C, huyện TP, tỉnh Bình Thuận; có mặt
  5. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1971  
Địa chỉ: Thôn H Đ 01, xã C C, huyện TP, tỉnh Bình Thuận; có mặt
  6. Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1973  
Địa chỉ: Thôn H T 2, xã C C, huyện TP, tỉnh Bình Thuận; có mặt
  7. Ông Nguyễn Hữu TH, sinh năm 1977  
Địa chỉ: Thôn H T 01, xã C C, huyện TP, tỉnh Bình Thuận; có mặt
  8. Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1980  
Địa chỉ: Thôn H Đ 01, xã C C, huyện TP, tỉnh Bình Thuận; có mặt
  9. Bà Nguyễn Thị Thu TH1, sinh năm 1990  
Địa chỉ: Thôn N M, xã P PH, huyện TP, tỉnh Bình Thuận; có mặt.
  10. Bà Nguyễn Thị Bích V, sinh năm 1992  
Địa chỉ: Thôn H T 01, xã C C, huyện TP, tỉnh Bình Thuận; có đơn xin xét xử vắng mặt bà.
  11. Bà Phan Thị H5, sinh năm 1967  
Địa chỉ: Thôn H T 01, xã C C, huyện TP, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt
  12. Ủy ban nhân dân xã C C: Do ông Trương Minh H4, Công chức tư pháp xã C C đại diện theo ủy quyền; vắng mặt
  13. Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai TP: Do ông Nguyễn Hữu Ng, Phó Giám đốc đại diện theo ủy quyền; vắng mặt.
- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Trường Duy, Trợ giúp viên pháp lý, Trung T trợ giúp pháp lý tỉnh Bình Thuận; có mặt

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn gửi đến Tòa án và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:* Bà có 9 người con gồm: Bà Nguyễn Thị Th; ông Nguyễn Hữu T; ông Nguyễn Hữu Tr; ông Nguyễn Hữu H1; bà Nguyễn Thị H2; bà Nguyễn Thị H3; ông Nguyễn Hữu TH; ông Nguyễn Hữu T và ông Nguyễn Hữu Đ. Bà có thửa đất nông nghiệp diện tích 2.854 m<sup>2</sup>, được Ủy ban nhân dân huyện TP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 623649, ngày 21/5/2004. Năm 2012, bà cùng các con làm giấy tặng cho ông Nguyễn Hữu T đối với thửa đất nêu trên vì ông Nguyễn Hữu T là trai lớn nhưng với điều kiện là ông Nguyễn Hữu T phải nuôi dưỡng bà sau này và cúng giỗ. Việc tặng cho có làm giấy tờ tại Ủy ban nhân dân xã C C, sau khi làm giấy tờ xong thì ông Nguyễn Hữu T không nuôi dưỡng gì đối với bà cũng không cúng giỗ.

Nay bà yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà với ông Nguyễn Hữu T và buộc ông T hoàn trả 2.854 m<sup>2</sup> đất cho bà.

**Bị đơn ông Nguyễn Hữu T trình bày:** Vào ngày 02 tháng 12 năm 2012, mẹ ông là Nguyễn Thị D cùng các anh chị em tôi là Nguyễn Thị Th, Nguyễn Hữu Tr, Nguyễn Hữu H1, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị H3, Nguyễn Hữu TH và Nguyễn Hữu T có ký giấy đồng thuận tặng cho ông quyền sử dụng đất đối với diện tích 2.854 m<sup>2</sup> đất ruộng muối, đất được Ủy ban nhân dân huyện TP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 623649, ngày 21/5/2004. Riêng ông Nguyễn Hữu Đ thì không có ký. Việc tặng cho được Ủy ban nhân dân xã C C xác nhận và khi tặng cho ông, mẹ ông và anh chị em ông không đặt ra điều kiện gì. Sau đó ông làm thủ tục sang tên và sử dụng đất cho đến nay.

Việc nuôi dưỡng mẹ ông là do bà Nguyễn Thị H2 trực tiếp nuôi dưỡng, ông không trực tiếp nuôi nhưng hàng năm sau khi làm muối ông vẫn đưa tiền cho mẹ ông sử dụng.

Nay mẹ ông yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và buộc ông hoàn trả 2.854 m<sup>2</sup> đất, ông không đồng ý.

**Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th trình bày:** Bà là con của bà Nguyễn Thị D. Năm 2012, bà có ký vào giấy đồng thuận tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hữu T đối với thửa đất nông nghiệp diện tích 2.854 m<sup>2</sup>, được Ủy ban nhân dân huyện TP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 623649, ngày 21/5/2004. Việc tặng cho có làm giấy tờ tại Ủy ban nhân dân xã C C, còn điều kiện tặng cho là ông Nguyễn Hữu T phải có trách nhiệm nuôi dưỡng mẹ bà và cúng giỗ chỉ nói bằng lời nói chứ không ghi vào giấy tặng cho.

Nay mẹ bà yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa mẹ bà với ông Nguyễn Hữu T và buộc ông Nguyễn Hữu T hoàn trả 2.854 m<sup>2</sup> đất vì ông Nguyễn Hữu T không nuôi dưỡng gì đối với mẹ bà cũng không cúng giỗ. Bà không có ý kiến gì cũng không có yêu cầu gì.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu Đ trình bày:** Ông là con của bà Nguyễn Thị D. Việc ký có giấy đồng thuận tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hữu T đối với thửa đất nông nghiệp diện tích 2.854 m<sup>2</sup>, được Ủy ban nhân dân huyện TP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 623649, ngày 21/5/2004 như thế nào thì ông không rõ vì ông không ký. Ông Nguyễn Hữu T hiện nay không có trách nhiệm nuôi mẹ ông và cúng giỗ

Nay mẹ ông yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa mẹ ông với ông Nguyễn Hữu T và buộc ông Nguyễn Hữu T hoàn trả 2.854 m<sup>2</sup> đất vì ông Nguyễn Hữu T không nuôi dưỡng gì đối với mẹ tôi cũng không cúng giỗ. Ông thông nhất với yêu cầu của mẹ ông.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu Tr trình bày:** Ông là con của bà Nguyễn Thị D. Năm 2012, ông có ký vào giấy đồng thuận tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hữu T đối với thửa đất nông nghiệp diện tích 2.854 m<sup>2</sup>, được Ủy ban nhân dân huyện TP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 623649, ngày 21/5/2004. Việc tặng cho có làm giấy tờ tại Ủy ban nhân dân xã C C, còn điều kiện tặng cho là ông Nguyễn Hữu T phải có trách nhiệm nuôi mẹ ông và cúng giỗ chỉ nói bằng lời nói chứ không ghi vào giấy tặng cho. Nay mẹ ông yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa mẹ ông với ông Nguyễn Hữu T và buộc ông Nguyễn Hữu T hoàn trả 2.854 m<sup>2</sup> đất vì ông Nguyễn Hữu T

không nuôi dưỡng gì đối với mẹ ông cũng không cúng giỗ. Ông thống nhất với yêu cầu của mẹ ông.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu H1 trình bày:** Ông là con của bà Nguyễn Thị D. Năm 2012, ông có ký vào giấy đồng thuận tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hữu T đối với thửa đất nông nghiệp diện tích 2.854 m<sup>2</sup>, được Ủy ban nhân dân huyện TP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 623649, ngày 21/5/2004. Việc tặng cho có làm giấy tờ tại Ủy ban nhân dân xã C C, còn điều kiện tặng cho là ông Nguyễn Hữu T phải có trách nhiệm nuôi mẹ ông và cúng giỗ chỉ nói bằng lời nói chứ không ghi vào giấy tặng cho. Nay mẹ ông yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa mẹ ông với ông Nguyễn Hữu T và buộc ông Nguyễn Hữu T hoàn trả 2.854 m<sup>2</sup> đất vì ông Nguyễn Hữu T không nuôi dưỡng gì đối với mẹ ông cũng không cúng giỗ. Ông thống nhất với yêu cầu của mẹ ông.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H2 trình bày:** Bà là con của bà Nguyễn Thị D. Năm 2012, bà không có ký nhưng có điểm vào giấy đồng thuận tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hữu T đối với thửa đất nông nghiệp diện tích 2.854 m<sup>2</sup>, được Ủy ban nhân dân huyện TP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 623649, ngày 21/5/2004 tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã C C. Còn điều kiện tặng cho là ông Nguyễn Hữu T phải có trách nhiệm nuôi mẹ bà và cúng giỗ chỉ nói bằng lời nói chứ không ghi vào giấy tặng cho. Hiện nay, bà là người trực tiếp nuôi bà Nguyễn Thị D và cúng giỗ, ông Nguyễn Hữu T không thực hiện nghĩa vụ của ông Nguyễn Hữu T khi nhận tặng cho quyền sử dụng đất cho đến nay.

Nay mẹ bà yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa mẹ bà với ông Nguyễn Hữu T và buộc ông Nguyễn Hữu T hoàn trả 2.854 m<sup>2</sup> đất vì ông Nguyễn Hữu T không nuôi dưỡng gì đối với mẹ bà cũng không cúng giỗ. Bà thống nhất với yêu cầu của mẹ bà.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H3 trình bày:** Bà là con của bà Nguyễn Thị D. Năm 2012, bà có ký vào giấy đồng thuận tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hữu T đối với thửa đất nông nghiệp diện tích 2.854 m<sup>2</sup>, được Ủy ban nhân dân huyện TP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 623649, ngày 21/5/2004. Việc tặng cho có làm giấy tờ tại Ủy ban nhân dân xã C C, còn điều kiện tặng cho là ông Nguyễn Hữu T phải có trách nhiệm nuôi mẹ bà và cúng giỗ chỉ nói bằng lời nói chứ không ghi vào giấy tặng cho. Nay mẹ bà yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa mẹ bà với ông Nguyễn Hữu T và buộc ông Nguyễn Hữu T hoàn trả 2.854 m<sup>2</sup> đất vì ông Nguyễn Hữu T không nuôi dưỡng gì đối với mẹ bà cũng không cúng giỗ. Bà thống nhất với yêu cầu của mẹ bà.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu T trình bày:** Ông là con của bà Nguyễn Thị D. Năm 2012, ông có ký vào giấy đồng thuận tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hữu T đối với thửa đất nông nghiệp diện tích 2.854 m<sup>2</sup>, được Ủy ban nhân dân huyện TP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 623649, ngày 21/5/2004. Việc tặng cho có làm giấy tờ tại Ủy ban nhân dân xã C C, còn điều kiện tặng cho là ông Nguyễn Hữu T phải có trách nhiệm nuôi mẹ ông và cúng giỗ chỉ nói bằng lời nói chứ không ghi vào giấy tặng cho. Hiện nay, bà

Nguyễn Thị D sống cùng ông và bà Nguyễn Thị H2, ông Nguyễn Hữu T từ khi nhận tài sản không nuôi dưỡng mẹ ông cũng không cúng giỗ gì.

Nay mẹ ông yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa mẹ ông với ông Nguyễn Hữu T và buộc ông Nguyễn Hữu T hoàn trả 2.854 m<sup>2</sup> đất vì ông Nguyễn Hữu T không nuôi dưỡng gì đối với mẹ ông cũng không cúng giỗ. Ông thống nhất với yêu cầu của mẹ ông.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu TH1 trình bày:**  
Bà là con ông Nguyễn Hữu Đ, lúc nhỏ bà ở với ông bà nội bà là bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn N1. Sau này vì lý do gì không rõ, cha bà đã làm thủ tục đổi tên đệm cho bà từ chữ Thu sang chữ Bích nên tên bà hiện nay là Nguyễn Thị Thu TH1.

Theo văn bản của Ủy ban nhân dân huyện TP trả lời cho Tòa án về những người được cấp đất trong hộ bà Nguyễn Thị D có bà là thành viên được cấp đất nhưng năm 2012, bà không có ký vào giấy đồng thuận tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hữu T đổi với thửa đất nông nghiệp diện tích 2.854 m<sup>2</sup>, được Ủy ban nhân dân huyện TP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 623649, ngày 21/5/2004

Nay bà yêu cầu hủy phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với phần tài sản của bà, bà không yêu cầu lấy lại phần tài sản của bà mà giao lại cho nội bà là bà Nguyễn Thị D được quyền sử dụng.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích V trình bày:**  
Bà là con ông Nguyễn Hữu T, là cháu nội bà Nguyễn Thị D. Theo bà, bà không phải là người trong hộ của bà Nguyễn Thị D, bà từ chối trình bày lời khai về vụ án cho Tòa án cũng như từ chối tham gia vụ án này.

Tại Tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP phát biểu về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định pháp luật; về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị D yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của bà đối với ông Nguyễn Hữu T, đồng thời yêu cầu ông Nguyễn Hữu T hoàn trả lại diện tích 2.854 m<sup>2</sup>, được Ủy ban nhân dân huyện TP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 623649, ngày 21/5/2004. Đây là vụ kiện “Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” theo quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện nhân dân TP quy định tại điểm a khoản 1 điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng các văn bản tố tụng cho bà H5, bà V, đại diện Ủy ban nhân dân xã C C, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai TP theo đúng các quy định tại Điều 177, Điều 178 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự; cũng như xét xử vắng mặt bà H5, bà V, đại diện Ủy ban nhân dân xã C C, Chi

nhánh văn phòng đăng ký đất đai TP theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D: Tại phiên tòa, trong giai đoạn tranh tụng, các bên đương sự thống nhất và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận với nội dung: Giao cho bà Nguyễn Thị D được quyền sử dụng diện tích 1.000 m<sup>2</sup> và ông Nguyễn Hữu T được quyền sử dụng diện tích 1.854 m<sup>2</sup> trong diện tích 2.854 m<sup>2</sup>, được Ủy ban nhân dân huyện TP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 623649, ngày 21/5/2004, đăng ký biến động ngày 10/10/2013 sang cho ông Nguyễn Hữu T theo hồ sơ số 22996.000231.TA.VP của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai TP; Về chi phí tố tụng khác: Bà Nguyễn Thị D chịu lệ phí thẩm định tài sản là 4.601.000 đồng và đã nộp đủ; Về án phí: Bà Nguyễn Thị D được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm, bà Nguyễn Thị D đã được miễn nộp tạm ứng án phí nên không hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà; ông Nguyễn Hữu T phải nộp  $(40.000 \text{ đồng/m}^2 \times 1,06 \times 1000 \text{ m}^2) \times 5\% = 2.597.000 \text{ đồng}$ . Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên công nhận

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1]. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 146, khoản 1, khoản 5 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203 Luật Đất đai; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2]. Tuyên xử: Công nhận sự thỏa thuận của các bên như sau: Bà Nguyễn Thị D được quyền sử dụng diện tích 1.000 m<sup>2</sup> và ông Nguyễn Hữu T được quyền sử dụng diện tích 1.854 m<sup>2</sup> trong diện tích 2.854 m<sup>2</sup>, được Ủy ban nhân dân huyện TP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 623649, ngày 21/5/2004, đăng ký biến động ngày 10/10/2013 sang cho ông Nguyễn Hữu T theo hồ sơ số 22996.000231.TA.VP của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai TP (Ông Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, để bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký biến động (có bản vẽ kèm theo và bản không tách rời Bản án này).

[3]. Về chi phí tố tụng khác: Bà Nguyễn Thị D chịu lệ phí thẩm định tài sản là 4.601.000 đồng và đã nộp đủ.

[4]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị D được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm, bà Nguyễn Thị D đã được miễn nộp tạm ứng án phí nên không hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà; ông Nguyễn Hữu T phải nộp 2.597.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay (ngày 14/01/2022). Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKS ND (Tỉnh + Huyện);
- Tòa án ND Tỉnh BT;
- Các đương sự;
- THA Huyện;
- Lưu HS.

**Hồ Hoàn Kiếm**